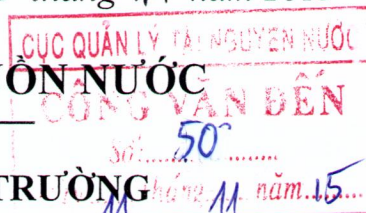


Số: 2894 /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH Vsip Quảng Ngãi và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Vsip Quảng Ngãi (có địa chỉ tại số 08 đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi) xả nước thải từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vsip Quảng Ngãi vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Kênh tại thôn Thế Long, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Vị trí xả nước thải: thôn Thế Long, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Tọa độ vị trí xả nước thải ra suối Kênh (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3<sup>0</sup>):

$$X = 1682138 \quad Y = 0584258$$

3. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý được dẫn qua hệ thống kênh dẫn hở, sau đó xả ra suối Kênh theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải:





Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$ . Cụ thể như sau (Bảng 1).

Bảng 1: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD5 (20°C)	mg/l	24,30
5	COD	mg/l	60,75
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5
7	Asen	mg/l	0,04
8	Thủy ngân	mg/l	0,004
9	Chì	mg/l	0,08
10	Cadimi	mg/l	0,04
11	Crom (VI)	mg/l	0,04
12	Crom (III)	mg/l	0,16
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,16
16	Mangan	mg/l	0,40
17	Sắt	mg/l	0,80
18	Tổng xianua	mg/l	0,06
19	Tổng phenol	mg/l	0,08
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,0
21	Sunfua	mg/l	0,16
22	Florua	mg/l	4,0
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,0
24	Tổng nitơ	mg/l	16,2
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,2
26	Clorua	mg/l	400
27	Clo dư	mg/l	0,80
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,04
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,24
30	Tổng PCB	mg/l	0,002
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000



7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Vsip Quảng Ngãi:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

3. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

3.1. Quan trắc nước thải:

a) Quan trắc liên tục tự động nước thải tại vị trí cửa xả nước thải sau xử lý từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung với các thông số quan trắc là: pH, nhiệt độ, độ màu, SS, COD và lưu lượng nước thải;

b) Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải theo tần suất một (01) tháng/lần tại vị trí đầu vào và tại vị trí cửa xả nước thải sau xử lý từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung với các thông số quy định tại Bảng 1, Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này.

3.2. Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

a) Vị trí quan trắc: hai (02) vị trí trên suối Kênh, cách vị trí xả nước thải 100m về phía thượng và hạ lưu;

b) Thông số quan trắc: các thông số theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2008/BTNMT;

c) Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

4. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế, quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép, cơ quan chức năng ở địa phương trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra.

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Giấy phép này.

**Điều 3.** Công ty TNHH Vsip Quảng Ngãi được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Vsip Quảng Ngãi còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung như Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Vsip Quảng Ngãi (02);
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Thanh tra Bộ;
- Tổng Cục môi trường;
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, VPMC, Hồ sơ cấp phép (02), TNN (02).

*Qu* *h*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Nguyễn Thái Lai*

**Nguyễn Thái Lai**